

HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

NGÀY THI: 26/5/2018

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Hoàng Thị	An	CNTT01	27/6/1997	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	7.0	3.0	Không đạt	
2	Bùi Thị	Anh	CNTT02	20/4/1991	Nghĩa Hoà - Lạng Giang - Bắc Giang	7.0	3.5	Không đạt	
3	Bùi Thị Ngọc	Anh	CNTT03	11/8/1998	Hiển Nam - TP. Hưng Yên - Hưng Yên	7.7	4.0	Không đạt	
4	Đặng Ngọc	Anh	CNTT04	09/7/1996	Nam Hoa - Nam Trực - Nam Định	5.2	2.5	Không đạt	
5	Hoàng Thị Quế	Anh	CNTT05	30/10/1998	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	8.5	9.0	Đạt	
6	Nguyễn Đức	Anh	CNTT06	21/12/1996	Đông Sơn - Thanh Hóa	8.5	9.0	Đạt	
7	Hoàng Văn	Ánh	CNTT07	06/10/1995	Tri Lễ - Văn Quan - Lạng Sơn	5.5	5.0	Đạt	
8	Vũ Mạnh	Ba	CNTT08	08/9/1997	Xuân Cẩm - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7.0	6.0	Đạt	
9	Trần Xuân	Bách	CNTT09	20/10/1997	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	8.7	7.5	Đạt	
10	Nguyễn Thị	Bắc	CNTT10	18/12/1998	Tân Thiệp - Yên Thế - Bắc Giang	9.2	7.5	Đạt	
11	Vũ Thị	Bích	CNTT11	22/8/1998	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	8.2	7.5	Đạt	
12	Hoàng Văn	Biên	CNTT12	25/3/1996	Tổng Cột - Hà Quảng - Cao Bằng	7.5	3.0	Không đạt	
13	Đàm Văn	Chiến	CNTT13	13/12/1997	Hương Sơn - Lạng Giang - Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
14	Phùng Văn	Chinh	CNTT14	04/7/1982	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7.2	6.0	Đạt	
15	Nguyễn Thành	Công	CNTT15	05/4/1998	Hợp Thịnh - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6.7	5.0	Đạt	
16	Nguyễn Văn	Cừ	CNTT16	19/8/1998	Phương Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	5.0	7.5	Đạt	
17	Dương Văn	Cương	CNTT17	10/8/1996	Lam Cốt - Tân Yên - Bắc Giang	7.0	3.5	Không đạt	
18	Lương Mạnh	Cường	CNTT18	19/9/1989	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
19	Nguyễn Tiến	Cường	CNTT19	01/11/1995	Đức Thuận - Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh	5.5	5.0	Đạt	
20	Trần Hữu	Du	CNTT20	25/5/1985	Phù Lương - Quế Võ - Bắc Ninh	-	-	-	Bảo lưu HS
21	Vũ Thuỳ	Dung	CNTT21	14/10/1997	Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6.5	8.5	Đạt	
22	Vũ Mạnh	Dũng	CNTT22	04/11/1991	Lê Chân - TP.Hải Phòng - Hải Phòng	6.7	5.0	Đạt	
23	Phạm Văn	Duy	CNTT23	06/5/1994	Nam Vân - TP. Nam Định - Nam Định	6.2	2.5	Không đạt	
24	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	CNTT24	15/8/1985	Nông Trường - Yên Thế - Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
25	Phùng Thị	Duyên	CNTT25	02/01/1997	Lan Giới - Tân Yên - Bắc Giang	8.5	8.0	Đạt	
26	Nguyễn Tiến	Đạt	CNTT26	11/10/1998	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.7	8.0	Đạt	
28	Nguyễn Tiến	Đạt	CNTT27	03/10/1996	Đáp Cầu - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	4.7	2.0	Không đạt	
29	Trần Quốc	Đạt	CNTT28	02/3/1993	Lương Phong - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7.7	6.5	Đạt	
30	Trần Xuân	Đoài	CNTT29	01/8/1988	Đồng Vương - Yên Thế - Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
31	Phạm Đức	Đông	CNTT30	29/10/1994	Tân Phong - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	6.5	5.5	Đạt	
32	Nguyễn Duy	Đức	CNTT31	30/10/1995	Yên Lập - Yên Lập - Phú Thọ	5.5	5.5	Đạt	
33	Nguyễn Hoàng	Đức	CNTT32	15/6/1989	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	2.2	2.0	Không đạt	
34	Vương Đình Chung	Đức	CNTT33	24/9/1997	Ngô Quyền - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7.5	7.0	Đạt	
35	Hoàng Châu	Giang	CNTT34	22/6/1996	Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu HS
36	Dương Thị	Hà	CNTT35	16/7/1998	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	7.7	6.0	Đạt	
37	Đặng Văn	Hà	CNTT36	22/5/1963	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
38	Lê Thị Thu	Hà	CNTT37	09/4/1996	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	3.2	0.0	Không đạt	
39	Nguyễn Thị	Hạnh	CNTT38	18/9/1996	Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
40	Lê Thị Thu	Hằng	CNTT39	10/11/1996	Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	7.7	6.0	Đạt	
41	Tân Thị	Hằng	CNTT40	12/01/1998	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	8.0	7.5	Đạt	
42	Nguyễn Thị	Hiền	CNTT41	04/11/1997	Phong Minh - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.2	3.0	Không đạt	
43	Ngô Duy	Hiệp	CNTT42	30/10/1996	Minh Khai - TP. Hà Giang - Hà Giang	8.0	6.5	Đạt	
44	Lê Đức	Hiếu	CNTT43	26/11/1998	Tam Giang - Yên Phong - Bắc Ninh	7.2	2.0	Không đạt	
45	Nguyễn Văn	Hiếu	CNTT44	23/7/1997	Cao Thắng - Hạ Long - Quảng Ninh	5.2	0.5	Không đạt	
46	Nguyễn Ngọc	Hiệu	CNTT45	11/10/1968	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.5	7.0	Đạt	
47	Nguyễn Thị Phương	Hoa	CNTT46	14/7/1998	Trần Nguyên Hãn - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7.2	8.5	Đạt	
48	Phùng Thái	Hoà	CNTT47	17/11/1996	Năng Tĩnh - TP.Nam Định - Nam Định	8.7	8.0	Đạt	
49	Vi Thị	Hoài	CNTT48	07/11/1998	TT.An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	8.5	7.5	Đạt	
50	Đỗ Huy	Hoàn	CNTT49	09/9/1995	Ninh Xá - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7.7	6.0	Đạt	
27	Nguyễn Văn	Hoàn	CNTT50	12/8/1964	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
51	Nguyễn Mạnh	Hồ	CNTT51	13/8/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	7.5	6.5	Đạt	
52	Hoàng Thị	Hồng	CNTT52	12/12/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	7.2	4.0	Không đạt	
53	Bạch Văn	Huân	CNTT53	23/7/1990	Nham Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	7.5	4.5	Không đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
54	Lê	Hùng	CNTT54	30/8/1998	Hải Dương	6.7	5.0	Đạt	
55	Nguyễn Huy	Hùng	CNTT55	07/11/1997	Khắc Niệm - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5.7	1.5	Không đạt	
56	Nguyễn Mạnh	Hùng	CNTT56	18/8/1973	Quang Châu - Việt yên - Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
57	Nguyễn Quang	Hùng	CNTT57	30/10/1997	Cao Thượng - Tân Yên - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	
58	Lê Duy	Huy	CNTT58	29/11/1996	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	9.0	5.0	Đạt	
59	Lê Văn	Huy	CNTT59	25/9/1996	Trần Phú - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7.2	4.0	Không đạt	
60	Ngô Thế	Huy	CNTT60	24/10/1997	Đáp Cầu - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	8.5	8.0	Đạt	
61	Nguyễn Quang	Huy	CNTT61	26/11/1996	Lũng Phìn - Đồng Văn - Hà Giang	8.2	6.5	Đạt	
62	Vũ Ngọc	Huy	CNTT62	16/11/1996	Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	8.0	Đạt	
63	Phạm Thu	Huyền	CNTT63	12/10/1971	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	6.5	7.5	Đạt	
64	Trần Thị	Huyền	CNTT64	02/4/1997	Quảng Thành - Hải Hà - Quảng Ninh	6.0	8.5	Đạt	
65	Nguyễn Như	Hưng	CNTT65	29/9/1992	Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội	7.0	9.0	Đạt	
66	Đoàn Thị	Hường	CNTT66	04/02/1998	Thụy Lôi - Tiên Lữ - Hưng Yên	7.7	7.0	Đạt	
67	Phạm Thị	Hường	CNTT67	28/8/1995	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	8.5	3.5	Không đạt	
68	Trịnh Thị	Hường	CNTT68	14/3/1998	Thiệu Công - Thiệu Hoá - Thanh Hoá	8.5	8.0	Đạt	
69	Nguyễn Văn	Khải	CNTT69	19/6/1994	Trường Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
70	Đàm Đức	Khang	CNTT70	04/10/1998	Trù Hựu - Lục Ngạn - Bắc Giang	8.5	6.0	Đạt	
71	Vũ Minh	Khanh	CNTT71	25/5/1973	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
72	Đặng Văn	Khánh	CNTT72	25/8/1997	Vạn An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6.7	4.0	Không đạt	
73	Giáp Ngọc	Khánh	CNTT73	11/6/1998	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	
74	Triệu Bằng	Khê	CNTT74	03/9/1996	Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	4.7	3.0	Không đạt	
75	Nguyễn Bá	Khôi	CNTT75	29/4/1997	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	6.5	2.0	Không đạt	
76	Nguyễn Văn	Khôi	CNTT76	15/5/1961	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
77	Đoàn Bá	Khuê	CNTT77	21/4/1997	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	5.7	1.0	Không đạt	
78	Phạm Duy	Kiểm	CNTT78	13/5/1963	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
79	Dương Văn	Kiên	CNTT79	07/5/1996	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7.5	7.0	Đạt	
80	Lê Trung	Kiên	CNTT80	30/10/1996	Mường Thanh - TP. Điện Biên - Điện Biên	5.5	6.5	Đạt	
81	Nguyễn Trung	Kiên	CNTT81	06/3/1997	Hoàng Văn Thụ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8.0	5.5	Đạt	
82	Đình Thị	Kiều	CNTT82	14/9/1997	Mỹ Lung - Yên Lập - Phú Thọ	5.5	6.5	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
83	Nguyễn Thị	Lan	CNTT83	10/02/1997	Đại Lai - Gia Bình - Bắc Ninh	7.5	5.5	Đạt	
84	Trần Văn	Lâm	CNTT84	19/11/1997	Đông Lỗ - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
85	Diêm Công	Linh	CNTT85	21/10/1985	Tiên Sơn - Việt yên - Bắc Giang	5.7	5.0	Đạt	
86	Hứa Thị Mỹ	Linh	CNTT86	10/5/1997	Đô Lương - Hữu Lũng - Lạng Sơn	7.2	5.0	Đạt	
87	Lương Thị Thuý	Linh	CNTT87	23/3/1998	Châu Sơn - Duy Tiên - Hà Nam	7.5	9.0	Đạt	
88	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CNTT88	14/6/1998	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	3.7	8.0	Không đạt	
89	Phạm Thị Mỹ	Linh	CNTT89	29/12/1998	Việt Hồng - Thanh Hà - Hải Dương	8.2	9.0	Đạt	
90	Phạm Thị Thùy	Linh	CNTT90	09/09/1994	Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	
91	Trần Thành	Long	CNTT91	08/10/1993	Phúc Thành - Kinh Môn - Hải Dương	8.2	7.5	Đạt	
92	Trịnh Xuân	Long	CNTT92	25/01/1996	Phù Đồng - Gia Lâm - Hà Nội	7.0	2.5	Không đạt	
93	Chu Thị Hiền	Lương	CNTT93	21/6/1996	Đề Thám - Trảng Định - Lạng Sơn	7.2	7.0	Đạt	
94	Nguyễn Thị	Lý	CNTT94	13/7/1997	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7.7	7.0	Đạt	
95	Nguyễn Thị	Lý	CNTT95	02/3/1980	Hoàng Văn Thụ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8.5	5.0	Đạt	
96	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	CNTT96	17/8/1989	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	5.7	6.0	Đạt	
97	Vĩ Thị	Mai	CNTT97	20/7/1997	Kim Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8.5	8.0	Đạt	
98	Đỗ Văn	Mạnh	CNTT98	29/5/1998	Đại Lâm - Lạng Giang - Bắc Giang	9.0	8.0	Đạt	
99	Nguyễn Đức	Mạnh	CNTT99	14/9/1996	Cảnh Hưng - Tiên Du - Bắc Ninh	8.5	6.5	Đạt	
100	Dương Văn	Minh	CNTT100	01/11/1996	Đan Hội - Lục Nam - Bắc Giang	7.5	6.0	Đạt	
101	Phạm Văn	Minh	CNTT101	29/10/1997	Hợp Thịnh - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7.7	7.0	Đạt	
102	Đoàn Phương	Nam	CNTT102	19/7/1998	Cao Lộc - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	7.2	5.0	Đạt	
103	Trần Thị	Nga	CNTT103	08/6/1996	Sơn Lai - Nho Quan - Ninh Bình	9.0	7.0	Đạt	
104	Nguyễn Thị	Ngân	CNTT104	12/9/1997	Mỹ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	9.5	8.0	Đạt	
105	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CNTT105	16/11/1998	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	8.0	6.0	Đạt	
106	Đỗ Thị	Ngân	CNTT106	11/04/1989	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7.2	7.0	Đạt	
107	Hoàng Ánh	Nghĩa	CNTT107	03/8/1996	Ngọc Thanh - Phúc yên - Vĩnh Phúc	8.0	6.5	Đạt	
108	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	CNTT108	03/11/1996	Việt Hùng - Quế Võ - Bắc Ninh	8.0	8.5	Đạt	
109	Phạm Minh	Nguyệt	CNTT109	25/9/1997	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	8.2	8.0	Đạt	
110	Lê Anh	Nhâm	CNTT110	23/11/1998	Trù Hựu - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.2	8.5	Đạt	
111	Đặng Thị	Nhung	CNTT111	01/01/1991	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
112	Nguyễn Thị	Nhung	CNTT112	19/12/1996	Mỹ Hà - Lạng Giang - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
113	Nông Thị Hồng	Nhung	CNTT113	28/7/1998	Hương Sơn - Lạng Giang - Bắc Giang	8.2	7.0	Đạt	
114	Thân Thị	Nhung	CNTT114	26/12/1990	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	
115	Nguyễn Thị	Ninh	CNTT115	20/11/1980	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	6.0	7.5	Đạt	
116	Phạm Thị Kim	Oanh	CNTT116	17/01/1997	Minh Tân - Vụ Bản - Nam Định	8.7	7.0	Đạt	
117	Đỗ Đăng	Phương	CNTT117	02/12/1998	Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh	8.5	8.5	Đạt	
118	Lê Hoàng Thu	Phương	CNTT118	06/7/1993	Thọ Vực - Triệu Sơn - Thanh Hoá	8.0	7.0	Đạt	
119	Nguyễn Thị	Phương	CNTT119	20/10/1993	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	6.5	3.0	Không đạt	
120	Lê Thị	Phượng	CNTT120	30/6/1983	Bố Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
121	Nguyễn Văn	Quang	CNTT121	10/10/1985	Minh Sơn - Đô Lương - Nghệ An	6.5	7.0	Đạt	
122	Nguyễn Tiến	Quốc	CNTT122	20/9/1972	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	
123	Dương Văn	Quyết	CNTT123	08/3/1995	Thiên Kỵ - Hữu Lũng - Lạng Sơn	7.7	5.0	Đạt	
124	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	CNTT124	17/12/1996	Hoàng Khai - Yên Sơn - Tuyên Quang	7.0	5.0	Đạt	
125	Lừ Thị	Sen	CNTT125	28/8/1998	Tân Bình - Đầm Hà - Quảng Ninh	8.0	8.0	Đạt	
126	Nguyễn Thị	Soan	CNTT126	18/4/1998	Tân Thanh - Lạng Giang - Bắc Giang	7.7	6.5	Đạt	
127	Trần Văn	Sơn	CNTT127	27/10/1998	An Nội - Bình Lục - Hà Nam	6.5	6.5	Đạt	
128	Nguyễn Văn	Tá	CNTT128	16/8/1962	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.7	5.0	Đạt	
129	Nguyễn Văn	Tăng	CNTT129	11/12/1960	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
130	Ngô Văn	Thái	CNTT130	07/07/1998	Châu Minh - Hiệp Hoà - Bắc Giang	8.0	7.5	Đạt	
131	Đỗ Thị	Thanh	CNTT131	23/4/1995	Hồ - Thuận Thành - Bắc Ninh	6.0	5.0	Đạt	
132	Đàm Văn	Thành	CNTT132	29/12/1996	Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	5.7	3.5	Không đạt	
133	Hoàng Vũ	Thành	CNTT133	19/12/1998	Tiên Tân - Phú Lý - Hà Nam	7.5	7.0	Đạt	
134	Lê Xuân	Thành	CNTT134	29/12/1990	Vệ An - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	8.2	6.0	Đạt	
135	Trình Văn	Thành	CNTT135	08/8/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.5	2.5	Không đạt	
136	Nguyễn Phương	Thảo	CNTT136	06/7/1998	Lê Lợi - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	8.7	9.0	Đạt	
137	Nguyễn Lâm	Thi	CNTT137	24/01/1998	Tam Thanh - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	8.7	8.5	Đạt	
138	Thân Quang	Thiều	CNTT138	02/11/1998	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	6.2	8.5	Đạt	
139	Lê Văn	Thịnh	CNTT139	16/8/1996	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	6.2	6.0	Đạt	
140	Bùi Đình	Thọ	CNTT140	12/11/1987	Tràng An - Đông Triều - Quảng Ninh	7.7	4.0	Không đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
141	Mã Văn	Thọ	CNTT141	29/02/1991	Hộ Đáp - Lục Ngạn - Bắc Giang	5.7	5.5	Đạt	
142	Nguyễn Thị	Thơm	CNTT142	13/11/1996	Krông Pac - Đắk Lắk	5.0	1.5	Không đạt	
143	Lục Tiến	Thuận	CNTT143	09/3/1998	Tuần Đạo - Sơn Động - Bắc Giang	7.7	4.0	Không đạt	
144	Lương Thanh	Thuận	CNTT144	22/02/1984	Đồng Hưu - Yên Thế - Bắc Giang	5.2	5.5	Đạt	
145	Nguyễn Thị	Thủy	CNTT145	17/9/1996	Nam Ngạn - TP. Thanh Hoá - Thanh Hoá	8.2	9.5	Đạt	
146	Nông Thị	Thủy	CNTT146	21/10/1995	Kiên Thành - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	
147	Ngô Thị	Thuyết	CNTT147	05/02/1992	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	6.0	Đạt	
148	Nguyễn Thị	Thương	CNTT148	27/6/1998	Châu Minh - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	
149	Nguyễn Thị	Thương	CNTT149	13/6/1997	Xuân Thủy - Lê Thủy - Quảng Bình	8.0	4.5	Không đạt	
150	Đoàn Ngọc	Tiến	CNTT150	23/10/1998	Trung Dũng - Tiên Lữ - Hưng Yên	7.7	7.5	Đạt	
151	Ngọc Thị Huyền	Trang	CNTT151	22/5/1998	Long Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	9.0	7.0	Đạt	
152	Nguyễn Thu	Trang	CNTT152	02/12/1998	Xương Giang - Hữu Lũng - Lạng Sơn	8.7	8.5	Đạt	
153	Phạm Thị	Trang	CNTT153	25/11/1992	Đông Mỹ - Đông Hưng - Thái Bình	9.2	7.5	Đạt	
154	Tổng Văn	Trăm	CNTT154	01/6/1996	Vạn An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	7.7	7.0	Đạt	
155	Dương Ngô	Trí	CNTT155	26/2/1997	Ngọc Vân - Tân Yên - Bắc Giang	5.5	5.0	Đạt	
156	Nguyễn Phi	Triệu	CNTT156	26/01/1997	Đồng Tân - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7.5	6.5	Đạt	
157	Lại Kim	Trọng	CNTT157	14/4/1997	Tri Thủy - Phú Xuyên - Hà Nội	7.0	5.5	Đạt	
158	Nguyễn Việt	Trung	CNTT158	14/10/1996	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	8.2	6.5	Đạt	
159	Nguyễn Đăng	Trường	CNTT159	10/11/1996	Phật Tích - Tiên Du - Bắc Ninh	6.2	5.0	Đạt	
160	Trình Văn	Trường	CNTT160	10/01/1997	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	9.2	8.5	Đạt	
161	Hoàng Minh	Tú	CNTT161	30/9/1996	Vinh Quang - Chiêm Hoá - Tuyên Quang	6.5	6.5	Đạt	
162	Trần Văn	Tú	CNTT162	25/11/1976	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	
163	Hoàng Minh	Tuấn	CNTT163	03/8/1994	Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6.5	7.0	Đạt	
164	Nguyễn Ngọc	Tuấn	CNTT164	06/7/1996	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
165	Nguyễn Xuân	Tuấn	CNTT165	21/4/1996	Đông Sơn - Chương Mỹ - Hà Nội	7.5	4.0	Không đạt	
166	Phùng Anh	Tuấn	CNTT166	04/4/1997	Sơn Đông - Sơn Tây - Hà Nội	6.0	6.0	Đạt	
167	Vì Quốc	Tuấn	CNTT167	18/11/1995	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	
168	Đoàn Bá	Tùng	CNTT168	31/01/1993	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	8.0	6.5	Đạt	
169	Nguyễn Anh	Tùng	CNTT169	16/12/1998	Tiền An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	5.7	5.0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
170	Nguyễn Sơn	Tùng	CNTT170	08/01/1998	Thị Cầu - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5.5	5.0	Đạt	
171	Đinh Thanh	Tuyền	CNTT171	02/3/1994	Thuy Hùng - Thạch An - Cao Bằng	7.7	7.0	Đạt	
172	Trần Thị	Uyên	CNTT172	08/3/1997	Đồng Phúc - Yên Dũng - Bắc Giang	6.0	5.0	Đạt	
173	Vũ Công	Văn	CNTT173	19/9/1996	Tân Mộc - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	
174	Nguyễn Thị Thu	Vân	CNTT174	26/7/1996	TP. Hồ Chí Minh	7.5	7.0	Đạt	
175	Vũ Thị	Vân	CNTT175	15/02/1997	Kim Mỹ - Kim Sơn - Ninh Bình	8.0	0.5	Không đạt	
176	Dương Ngân	Vi	CNTT176	09/7/1997	Lạc Đạo - Văn Lâm - Hưng Yên	8.2	6.0	Đạt	
177	Đào Trọng	Viên	CNTT177	06/7/1969	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	
178	Ngô Bắc	Việt	CNTT178	20/3/1997	Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	6.7	1.5	Không đạt	
179	Nguyễn Hoàng	Việt	CNTT179	29/3/1996	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	8.7	6.0	Đạt	
180	Dương Văn	Vũ	CNTT180	24/3/1997	Nghĩa Hồ - Lục Ngạn - Bắc Giang	6.5	5.0	Đạt	
181	Trần Hoàng	Vũ	CNTT181	19/3/1996	Yên Lợi - Ý Yên - Nam Định	6.2	5.0	Đạt	
182	Nguyễn Văn	Xếp	CNTT182	10/02/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	5.5	3.5	Không đạt	
183	Nguyễn Thanh	Xuân	CNTT183	10/02/1995	Nghĩa Hồ - Lục Ngạn - Bắc Giang	8.0	7.0	Đạt	
184	Nguyễn Thị	Yên	CNTT184	27/9/1997	Cầm Lý - Lục Nam - Bắc Giang	8.2	5.0	Đạt	
185	Trần Nhật	Yên	CNTT185	30/5/1997	Quỳnh Thắng - Quỳnh Lưu - Nghệ An	8.0	7.5	Đạt	
186	Hoàng Thị	Yến	CNTT186	22/02/1987	Hương Vĩ - Yên Thế - Bắc Giang	6.0	7.0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 186

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 2

Số thí sinh dự thi: 184

Số thí sinh đạt yêu cầu: 149

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 35

Bắc Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

(Đã ký)

ThS. Phan Văn Cường